

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2023, giữa:

- Nguyên đơn: **Bà Lê Thị T**; Sinh năm: 1982; Địa chỉ: Số 03, ngõ 01 đường T, tổ 07 thị trấn T, huyện T, tỉnh H.

- Bị đơn: **Ông Nguyễn Tấn T**; Sinh năm: 1975; Địa chỉ: Số 57, An N 8, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, 55, 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Lê Thị T** và ông **Nguyễn Tấn T** (Do công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Nguyễn Tấn T nên Giấy chứng nhận kết hôn số:126/2008 do Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/08/2008 không còn giá trị pháp lý).

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Tấn T thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Tấn T thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Đức A, sinh ngày 01/02/2009. Ly hôn bà Th và ông T thống nhất và thỏa thuận giao con chung cho bà Th được trực tiếp nuôi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Lê Thị T và ông Nguyễn Tấn T không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Tấn T thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung.

5. Về án phí: 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Lê Thị T tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001766 ngày 11/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận S, TP. Đà Nẵng. Hoàn trả cho bà Th số tiền 150.000 đồng

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường A, quận S;

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Dương Thị Kim Nhung